

**BỘ CÔNG THƯƠNG****BỘ CÔNG THƯƠNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 37/2008/QĐ-BCT

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2008

**QUYẾT ĐỊNH****ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê về lĩnh vực thương mại điện tử****BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG**

*Căn cứ Luật thống kê ngày 17 tháng 6 năm 2003;*

*Căn cứ Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công thương;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2004/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thống kê;*

*Căn cứ Quyết định số 222/2005/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch tổng thể phát triển Thương mại điện tử giai đoạn 2006 - 2010;*

*Căn cứ Quyết định số 305/2005/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 111/2008/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành;*

*Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch và Cục trưởng Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Hệ thống chỉ tiêu thống kê về lĩnh vực thương mại điện tử.

**Điều 2.** Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Vụ chức năng và các Cục chuyên ngành:

1. Chuẩn hóa khái niệm, nội dung và phương pháp tính đối với từng chỉ tiêu

trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê về lĩnh vực thương mại điện tử.

2. Xây dựng chế độ báo cáo thống kê định kỳ cho Hệ thống chỉ tiêu thống kê về lĩnh vực thương mại điện tử, tổ chức tập huấn cho các đơn vị để áp dụng thống nhất trong toàn ngành.

3. Xây dựng chương trình điều tra thống kê ngành về lĩnh vực thương mại điện tử trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện.

4. Tổng hợp và công bố số liệu thống kê về lĩnh vực thương mại điện tử trong cả nước.

5. Xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu thống kê dựa trên Hệ thống chỉ tiêu thống kê về lĩnh vực thương mại điện tử.

**Điều 3.** Sở Công thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có

trách nhiệm tổ chức thu thập thông tin về những chỉ tiêu thống kê về lĩnh vực thương mại điện tử trên địa bàn và thực hiện chế độ báo cáo thống kê theo quy định.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

**Điều 5.** Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Cục trưởng Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ, Giám đốc Sở Công thương các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG

Lê Danh Vĩnh

## HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THÔNG KÊ VỀ LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

(ban hành kèm theo Quyết định số 37/2008/QĐ-BCT ngày 15 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Công thương)

| STT | Tên chỉ tiêu  | Phân tổ chính   | Kỳ công bố | Cơ quan chủ trì thu thập, tổng hợp | Nguồn số liệu  |
|-----|---|---|------------|------------------------------------|----------------|
| I   | CHỈ TIÊU VỀ MỨC ĐỘ SẴN SÀNG ỨNG DỤNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ                                     |   |            |                                    |                |
| 1   | Số thương nhân có kết nối Internet  | Ngành kinh doanh, tỉnh/thành phố, quy mô doanh nghiệp, loại hình kết nối (ADSL, dial-up, cable), mục đích sử dụng | Năm        | Cục TMĐT và CNTT                   | Sở Công thương |
| 2   | Số thương nhân triển khai ứng dụng phần mềm tác nghiệp phục vụ hoạt động thương mại điện tử | Ngành kinh doanh, tỉnh/thành phố, quy mô doanh nghiệp, loại phần mềm ứng dụng                                     | Năm        | Cục TMĐT và CNTT                   | Sở Công thương |
| 3   | Số thương nhân áp dụng các biện pháp bảo mật công nghệ thông tin/thương mại điện tử         | Ngành kinh doanh, tỉnh/thành phố, quy mô doanh nghiệp, biện pháp sử dụng  | Năm        | Cục TMĐT và CNTT                   | Sở Công thương |
| 4   | Số thương nhân cung cấp dịch vụ hỗ trợ thương mại điện tử                                   | Tỉnh/thành phố, quy mô doanh nghiệp, loại hình dịch vụ cung cấp   | Năm        | Cục TMĐT và CNTT                   | Sở Công thương |



| STT | Tên chỉ tiêu   | Phân tổ chính   | Kỳ công bố | Cơ quan chủ trì thu thập, tổng hợp | Nguồn số liệu  |
|-----|--|---|------------|------------------------------------|----------------|
| 5   | Chi phí ứng dụng công nghệ thông tin và thương mại điện tử           | Ngành kinh doanh, tỉnh/thành phố, quy mô doanh nghiệp, cơ cấu (phần cứng, phần mềm, đào tạo và dịch vụ) | Năm        | Cục TMĐT và CNTT                   | Sở Công thương |
| 6   | Số sinh viên được đào tạo chính quy về thương mại điện tử            | Loại hình đào tạo, tỉnh/thành phố   | Năm        | Cục TMĐT và CNTT                   | Sở Công thương |
| 7   | Số dịch vụ công trực tuyến được triển khai                           | Loại hình dịch vụ công trực tuyến   | Năm        | Cục TMĐT và CNTT                   | Sở Công thương |
| II  | <b>CHỈ TIÊU VỀ SỐ ĐƠN VỊ CÓ GIAO DỊCH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ</b>         |   |            |                                    |                |
| 8   | Số thương nhân sử dụng email thường xuyên trong hoạt động kinh doanh | Ngành kinh doanh, tỉnh/thành phố, quy mô doanh nghiệp, loại địa chỉ email (chung, riêng)                | Năm        | Cục TMĐT và CNTT                   | Sở Công thương |
| 9   | Số thương nhân có website  | Tên miền quốc tế và vn., ngành kinh doanh, tỉnh/thành phố, quy mô doanh nghiệp                          | Năm        | Cục TMĐT và CNTT                   | Sở Công thương |
| 10  | Số thương nhân tham gia sàn giao dịch thương mại điện tử             | Sàn Việt Nam và nước ngoài, ngành kinh doanh, tỉnh/thành phố, quy mô doanh nghiệp                       | Năm        | Cục TMĐT và CNTT                   | Sở Công thương |

| STT | Tên chỉ tiêu  | Phân tổ chính   | Kỳ công bố | Cơ quan chủ trì thu thập, tổng hợp | Nguồn số liệu  |
|-----|---|---|------------|------------------------------------|----------------|
| 11  | Số thương nhân ứng dụng EDI/ebXML                       | Ngành kinh doanh, tỉnh/thành phố, loại hình doanh nghiệp, quy mô doanh nghiệp | Năm        | Cục TMĐT và CNTT                   | Sở Công thương |
| 12  | Số thương nhân đặt hàng trực tuyến                      | Ngành kinh doanh, tỉnh/thành phố, quy mô doanh nghiệp, phân loại thị trường   | Năm        | Cục TMĐT và CNTT                   | Sở Công thương |
| 13  | Số thương nhân nhận đơn đặt hàng trực tuyến             | Ngành kinh doanh, tỉnh/thành phố, quy mô doanh nghiệp, phân loại thị trường   | Năm        | Cục TMĐT và CNTT                   | Sở Công thương |
| III | <b>CHỈ TIÊU VỀ HIỆU QUẢ ỨNG DỤNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ</b> |   |            |                                    |                |
| 14  | Giá trị mua hàng trực tuyến                             | Ngành kinh doanh, tỉnh/thành phố, quy mô doanh nghiệp, phân loại thị trường   | Năm        | Cục TMĐT và CNTT                   | Sở Công thương |
| 15  | Giá trị bán hàng trực tuyến                             | Ngành kinh doanh, tỉnh/thành phố, quy mô doanh nghiệp, phân loại thị trường   | Năm        | Cục TMĐT và CNTT                   | Sở Công thương |
| 16  | Giá trị giao dịch EDI/ebXML                             | Ngành kinh doanh, tỉnh/thành phố, quy mô doanh nghiệp, loại hình giao dịch    | Năm        | Cục TMĐT và CNTT                   | Sở Công thương |



Giải thích khái niệm:

- Thương nhân bao gồm tổ chức kinh tế được thành lập hợp pháp, cá nhân hoạt động thương mại một cách độc lập, thường xuyên và có đăng ký kinh doanh.

- Phần mềm tác nghiệp phục vụ hoạt động thương mại điện tử bao gồm các phần mềm kế toán, quản lý hệ thống cung ứng (SCM - supply chain management) và lập kế hoạch nguồn lực (ERP - Enterprise Resource Planning), v.v...

- Biện pháp bảo mật công nghệ thông tin/thương mại điện tử bao gồm tất cả các biện pháp nhằm đảm bảo an toàn cho thông tin, dữ liệu, máy móc của doanh nghiệp và khách hàng như tường lửa, phần mềm diệt virus, mật mã, chữ ký điện tử, v.v...

- Dịch vụ hỗ trợ thương mại điện tử bao gồm các dịch vụ vận hành sàn thương mại điện tử, xây dựng và thiết kế website, giải pháp thanh toán, đào tạo thương mại điện tử, tư vấn ứng dụng thương mại điện tử, v.v...

- Sinh viên được đào tạo chính quy về thương mại điện tử là sinh viên các trường đại học, cao đẳng trong cả nước

trong chương trình đào tạo có ít nhất một môn học về thương mại điện tử.

- Sàn giao dịch thương mại điện tử (hay còn gọi là chợ “ảo”, công thương mại điện tử, sàn giao dịch trực tuyến, siêu thị trực tuyến, website thương mại điện tử, v.v...) là nơi các doanh nghiệp/tổ chức đăng ký là người bán hoặc người mua thực hiện việc liên lạc, trao đổi thông tin và kinh doanh thông qua Internet.

- EDI (Electronic Data Interchange Trao đổi dữ liệu điện tử) là sự tự động chuyển thông tin được định dạng theo cấu trúc chuẩn từ máy tính này sang máy tính khác giữa các doanh nghiệp với nhà cung cấp, khách hàng và các doanh nghiệp khác bằng phương tiện điện tử.

- ebXML (Electronic Business using eXtensible Markup Language - Kinh doanh điện tử sử dụng Ngôn ngữ đánh dấu mở rộng): là một khối kết cấu các đặc tả cho phép các doanh nghiệp với bất kỳ quy mô nào, ở bất kỳ nơi đâu có thể tiến hành kinh doanh thông qua mạng Internet. Sử dụng ebXML, các công ty có một phương thức chuẩn để trao đổi các thông tin kinh doanh, mở rộng quan hệ thương mại, trao đổi dữ liệu dựa trên các điều khoản, định nghĩa và tham gia vào các quy trình kinh doanh chung./.